

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30/5/2023.

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đức và bà Nguyễn Thị Kim Dung.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2023/TLST-HNGĐ, ngày 30/3/2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-DS, ngày 25/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 17/5/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện L, tỉnh H.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã C, huyện L, tỉnh H; nơi làm việc: Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Bình Phát; địa chỉ: Lô A20 Khu Công nghiệp H, T, thị xã T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn cùng anh Trần Văn H vào ngày 08/4/2010, trước khi cưới đôi bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L, tỉnh H. Sau ngày cưới theo phong tục tập quán của địa P chị T về chung sống cùng anh H ngay. Vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận.

Theo chị T trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2013, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thỉnh thoảng có xảy ra việc cãi nhau,

nhưng không đánh nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng cũng từ nguyên nhân trên và từ tháng 3/2014 đến nay vợ chồng ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Chị xác định vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được, năm 2019 chị đã khởi kiện ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh H để giải quyết, nhưng do anh H không có mặt tại địa P nên Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh H đã trả lại đơn khởi kiện và hướng dẫn chị đến Tòa án nơi anh H đang làm việc để giải quyết và anh H hiện đang làm việc tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Bình Phát; địa chỉ: Lô A20 Khu Công nghiệp H, T, thị xã T, tỉnh B. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết cho chị được ly hôn với anh H càng sớm càng tốt.

Theo anh H trình bày: Năm 2013 vợ chồng vào Miền Nam làm kinh tế, nhưng do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thỉnh thoảng có cãi nhau nhưng không đánh nhau. Tháng 4/2014 anh về quê và ở lại quê làm ăn, còn chị T vẫn tiếp tục ở trong Miền Nam làm ăn. Đến khoảng tháng 9/2014 chị T điện thoại về nói với anh là vợ chồng không hợp nhau thì ly thân và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị T xin ly hôn, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, tuy nhiên anh theo đạo Thiên Chúa Giáo nên anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của chị T.

Về con chung: Chị T anh H đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Thị Mỹ P, sinh ngày 07/8/2011, hiện cháu P đang ở với anh H. Phía chị T trình bày: Ly hôn, chị đồng ý để anh H được nuôi cháu P đến tuổi trưởng thành, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía anh H trình bày: Ly hôn, anh nhận nuôi cháu P đến tuổi trưởng thành, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Chị T anh H đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán; Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Những yêu cầu, kiến nghị cần khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá Đại diện VKS đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53,56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

+ Về quan về hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn H.

+ Về con chung: Giao cháu là Trần Thị Mỹ P, sinh ngày 07/8/2011 cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị T pH chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy, trong vụ án nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã C, huyện L, tỉnh H. Tuy nhiên, anh H là bị đơn không sinh sống và làm việc tại nơi hộ khẩu thường trú mà hiện nay anh H sinh sống và làm việc tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Bình Phát; địa chỉ: Lô A20 Khu Công nghiệp H, T, thị xã T, tỉnh B. Do vậy, chị T đã khởi kiện ly hôn anh H tại Toà án nơi anh H đang làm việc nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án cấp huyện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh B là phù hợp với Điều 28 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa lần thứ nhất mở ngày 17/5/2023 chị T có mặt, anh H vắng mặt lần thứ nhất không lý do. Tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt nhưng có đơn xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không lý do. Nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án chị T anh H đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa; anh H đã nhận được Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Xét thấy, quyền lợi của các đương sự đã được đảm bảo. Anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên HĐXX xác định là anh H đã từ bỏ quyền lợi của mình. Do vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án trên là phù hợp quy khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn cùng anh Trần Văn H vào ngày 08/4/2010. Trước khi đăng ký kết hôn đôi bên có được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L, tỉnh H. Do vậy, đã có đủ căn cứ kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống chị T anh H đều xác định: Từ đầu năm 2013 đến tháng 4/2014 vợ chồng anh chị đi vào Miền Nam kinh tế, nhưng do bất đồng quan điểm nên vợ chồng xảy ra việc cãi nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tháng 4/2014 anh H về quê làm ăn sinh sống và do bất đồng quan điểm nên từ tháng 9/2014 đến nay vợ chồng chấm dứt quan hệ. Xét thấy,

trong thời gian chung sống vợ chồng chị T anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ gần được 09 năm; anh H không đồng ý ly hôn là do anh theo đạo Thiên Chúa Giáo chứ không phải là tình cảm vợ chồng vẫn còn; anh H cũng đề nghị Tòa án thị xã T giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của chị T. Do vậy, HĐXX đã đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn vợ chồng chị T anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và xử cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp Điều 51,56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xác nhận chị T anh H có 01 con chung là Trần Thị Mỹ P, sinh ngày 07/8/2011 đang được anh H nuôi dưỡng. Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay mặc dù chị T anh H đều vắng mặt, nhưng tài liệu có trong hồ sơ đều thể hiện sự việc chị T và anh H thỏa thuận: Giao cháu P cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; mặt khác, cháu P cũng có nguyện vọng được ở với anh H. Do vậy, HĐXX xác định việc giao cháu P cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Xét thấy, trong tài liệu có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện chị T anh H đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn trong vụ án nên chị T phải chịu 300.000 đồng ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56,81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan về hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu là Trần Thị Mỹ P, sinh ngày 07/8/2011 cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp tại Chi

cục Thi hành án dân sự thị xã T theo biên lai số: AA/2021/0005943, ngày 30/3/2023.

Xác nhận chị T đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị T anh H vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã T;
- VKSND thị xã tỉnh B;
- Chi cục THADS thị xã T;
- UBND xã C, huyện L, tỉnh H;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Xuân Hà